



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN BẠC LIÊU

Địa chỉ: 89 QL 1A, thị trấn Giá Rai, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

Điện thoại: (84-0781) 3849567

Fax: (84-0781) 3849706

Email: baclieufis@hcm.vnn.vn

website: www.baclieufis.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2012

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập:

Công ty CP thủy sản Bạc Liêu là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty TNHH thủy sản Bạc Liêu. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6003000027 ngày 20 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bạc Liêu cấp. Tổng số vốn điều lệ đến ngày 31/12/2012 là **50.000.000.000** đồng.

2. Niêm yết:

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy phép niêm yết số 27/2008/GCNC-TTLK do Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán cấp ngày 19/05/2008.

- | | |
|--|-----------------------|
| - Mã chứng khoán: | BLF |
| - Loại cổ phiếu niêm yết: | Cổ phiếu phổ thông |
| - Mệnh giá: | 10.000 đồng/cổ phiếu. |
| - Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: | 02/06/2008. |
| - Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: | 5.000.000 cổ phiếu |

3. Quá trình phát triển:

3.1 Ngành nghề kinh doanh:

- ✚ Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- ✚ Kinh doanh xuất nhập khẩu:
 - xuất khẩu nội địa các mặt hàng nông lâm, thủy sản, hàng thủ công mỹ thực phẩm.
 - Nhập khẩu phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu, phụ liệu phục vụ sản xuất.
- ✚ Khai thác nuôi trồng thủy sản.
- ✚ Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu.
- ✚ Bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác.
- ✚ nhập khẩu các loại thực phẩm chế biến.
- ✚ Gia công hàng điện tử gia dụng.

- ✦ Thu đổi ngoại tệ.
- ✦ kinh doanh xuất khẩu các loại phân bón (vi sinh, vô cơ, hữu cơ).
- ✦ kinh doanh khu du lịch sinh thái, nhà hàng khách sạn, ăn uống giải trí.

3.2 Quá trình hoạt động:

a. Giai đoạn 2001 – 2006:

Công ty đã mua lại Nhà xưởng của Công ty TNHH Phước Lợi cải tạo và nâng cấp thành nhà xưởng đông lạnh. Nhiệm vụ ban đầu của Cty là sản xuất chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh và tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động ở địa phương.

Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, từng bước khẳng định thương hiệu mình trên đấu trường quốc tế. Công ty tập trung phát triển các mặt hàng tôm, mực đông lạnh; mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh.

b. Giai đoạn 2007 – nay:

Công ty đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức và sản xuất; mở thêm ngành nghề kinh doanh. Trong 6 năm Công ty đã mua lại Công ty TNHH thủy sản Nha Trang làm chi nhánh sản xuất mặt hàng rau củ quả; mua lại Công ty xuất nhập khẩu thủy sản Hộ Phòng chi Nhánh Gành Hào cải tạo làm phân xưởng chế biến surimi; chuyển nhượng quyền thuê Đà Lạt House kinh doanh dịch vụ nhà hàng tại Lâm Đồng.

Giai đoạn này đánh dấu bước phát triển nhảy vọt trên tất cả lĩnh vực của Công ty. Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán sau 2 năm cổ phần hoá, thực hiện thành công việc tăng vốn điều lệ từ 8 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Với chiến lược phát triển lấy kinh doanh thủy sản làm trọng tâm, Công ty đã đầu tư 02 dây chuyền chế biến surimi và Crab stick của Nhật Bản nay đã đi vào hoạt động khá tốt góp phần nâng cao hiệu quả của công ty. Bên cạnh đó, Công ty đã và đang triển khai các dự án nhằm đa dạng hóa các hoạt động kinh doanh như: đầu tư trồng nông nghiệp đậu bắp, cà tím, của Nhật

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá chung:

Năm 2011 là năm thứ năm sau cổ phần hóa, Công ty đã tạo ra được những bước cải thiện rất hiệu quả, cụ thể các năm qua hiệu quả kinh doanh của công ty ngày càng tăng. Đó cũng là bước tiến làm tiền đề cơ bản cho sự phát triển vượt bậc trong những năm tới, đặc biệt là lĩnh vực đầu tư phát triển rau củ quả, chả cá và tôm đông lạnh.

2. Tình hình thực hiện năm 2012:

✦ Tổng sản lượng:

- Sản lượng tôm đông lạnh xuất khẩu: Thực hiện năm 2012 là 98.465,00 kg; 22.142.890.802 đồng và bằng 19% so với năm 2011.

- Sản lượng rau củ quả xuất khẩu: Thực hiện năm 2012 là 3.471.305 kg; 192.528.960.710 VNĐ và bằng 125% so với năm 2011.
- Sản lượng chả cá xuất khẩu: Thực hiện năm 2012 là 1.240.800 kg; 42.916.573.044 và bằng 74% so với năm 2010.
- ✚ **Tổng doanh thu:** Thực hiện năm 2012 là 263.820.984.456 đồng và bằng 72,06% so với năm 2011
- ✚ **Tổng lợi nhuận sau thuế:** Thực hiện năm 2012 là 876.799.728 VNĐ và bằng 15,50% so với năm 2011.

3. Những khoản đầu tư lớn năm 2012:

Do tình hình máy móc thiết bị xuống cấp trầm trọng, Công ty phải đầu tư, nâng cấp hệ thống băng chuyền, tủ cấp đông và kho lạnh, do đó tình hình lợi nhuận của năm 2012 thấp hơn nhiều so với dự kiến. Tổng đầu tư mới là trên 10 tỷ đồng

4. Kế hoạch năm 2013:

4.1 Các chỉ tiêu chủ yếu trong năm 2013:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2013
1. Tổng sản lượng (tấn):	8.800
✓ Sản lượng tôm	300
✓ Sản lượng rau củ quả	6.000
✓ Sản lượng surimi	1.500
2. Tổng doanh thu (đồng):	423.016.000.000
3. Giá vốn hàng bán (đồng):	387.695.000.000
4. Chi phí bán hàng (đồng):	23.199.000.000
5. Chi phí quản lý (đồng):	12.122.000.000
6. Tổng lợi nhuận trước thuế (đ)	15.884.000.000
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp (đ)	3.176.800.000
8. Lợi nhuận sau thuế (đ)	12.707.200.000
9. Tỷ lệ trả cổ tức	Tối thiểu %/năm

4.2 Kế hoạch đầu tư:

DỰ ÁN	TỔNG GIÁ TRỊ Đ.TU (đồng)	NGUỒN VỐN THỰC HIỆN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
1. Đầu tư cải tiến lại hệ thống máy móc thiết bị lạnh xưởng Bạc Liêu.	2.000.000.000	- Vốn vay - Vốn tự có	Tháng 10/2013
2. Đầu tư nhà xưởng sản xuất tôm tại Cam Lâm, Nha Trang.	30.000.000.000	- Vốn Vay - Vốn tài trợ	Tháng 06/2014

10/03/2013

TỔNG CỘNG			
------------------	--	--	--

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2012:

1.1 Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2012:

Tài sản (đồng)		Nguồn vốn (đồng)	
I. Tài sản ngắn hạn	285.629.427.242	I. Nợ phải trả	329.558.107.844
II. Tài sản dài hạn	124.779.250.650	II. Vốn chủ sở hữu	80.850.570.049
Tổng cộng	410.408.677.892	Tổng cộng	410.408.677.892

1.2 Những thay đổi về vốn cổ đông/ vốn góp:

1.3 Cổ tức năm 2012:

1.4 Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm 31/12/2012:

- Số lượng chứng khoán đã phát hành: 0 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu phổ thông: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 50.000.000 cổ phiếu
Trong đó: Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

2.1 Hoạt động kinh doanh thủy sản:

Tổng lợi nhuận năm 2012 giảm 84,50% so với năm 2011 do công ty bắt đầu thay cơ cấu sản xuất là đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng chả cá và rau củ nhưng không sản xuất mặt hàng tôm. Chính vì vậy mà doanh thu của năm 2012 thấp hơn doanh thu năm 2011. Cụ thể doanh thu và lợi nhuận năm 2012 như sau:

Doanh thu thực hiện: 263.820.984.456 đồng.

Lợi nhuận thực hiện: 876.799.728 đồng.

2.2 Hoạt động tài chính:

Công ty tạm thời không đầu tư tài chính nữa mà chỉ tập chung vốn vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính của đơn vị.

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được về công tác quản lý:

- Tiếp tục xây dựng và ban hành các quy chế: quy chế thi đua khen thưởng, quy chế sản xuất, xây dựng quy chế quản trị công ty;

- Công ty triển khai xây dựng xây dựng nội quy lao động, ban hành quy định quản lý chi tiêu tài chính và quy định quản lý hoạt động sản xuất áp dụng cho toàn công ty.

IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2012:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ Tiêu	MÃ SỐ	Thuyết Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100)=(110+120+130+140+150)				
I. Tiền, các khoản tương đương tiền				
1. Tiền	110	V.1	6,024,507,996	18,617,172,484
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	3,110,177,296	3,110,177,296
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.3		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn				
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	19,174,369,554	21,964,473,051
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	16,604,745,823	15,878,587,402
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	7,278,610,269	5,421,926,921
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(9,163,502,560)	(9,163,502,560)
IV. Hàng tồn kho				
1. Hàng tồn kho	141	V.7	233,976,152,006	215,389,013,642
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(275,389,173)	(275,389,173)
V. Tài sản ngắn hạn khác				
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,300,346,629	2,182,215,537
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5,068,904,854	11,265,289,423
3. Thuế và các khoản thuế phải thu của Nhà nước	154	V.9		369,841,898
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	2,705,504,548	5,378,448,395
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200)=210+220+240+250+260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn				
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		258,350,400	

2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218		258.350.400	
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		118.444.503.299	126.058.470.399
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	103.653.393.575	115.862.909.940
- Nguyên giá	222		177.249.817.518	173.301.163.115
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(73.596.423.943)	(57.438.253.175)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.056.296.988	7.352.859.096
- Nguyên giá	228		8.443.171.217	8.442.171.217
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.386.874.229)	(1.090.312.121)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	7.734.812.736	2.842.701.363
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.702.272.727	3.702.272.727
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.702.272.727	3.702.272.727
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14		
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.374.124.224	3.449.934.711
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	2.284.124.224	3.191.584.311
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16		
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.17	90.000.000	258.350.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		410.408.677.892	423.348.932.153
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	-	329.558.107.844	343.526.050.710
I. Nợ ngắn hạn	310		315.333.437.844	323.419.638.149
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		238.272.174.784	260.682.760.606
2. Phải trả cho người bán	312	V.18	49.557.625.790	39.342.114.302
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	9.442.757.952	7.543.362.419
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.20	12.740.108.176	12.020.124.233
5. Phải trả công nhân viên	315		2.970.571.977	3.939.853.872
6. Chi phí phải trả	316	V.21	-	-

7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	4,002,165,217	740,972,769
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(1,651,966,052)	(849,550,052)
II. Nợ dài hạn	330		14,224,670,000	20,106,412,561
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	14,224,670,000	20,094,342,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.24		12,076,561
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	-	80,850,570,049	79,822,881,443
I. Vốn chủ sở hữu	410		80,850,570,049	79,822,881,443
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,915,800,000	21,915,800,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(150,888,878)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25		
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.25	463,691,970	463,691,970
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	8,471,078,079	7,594,278,351
10. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440=300+400+500)	440		410,408,677,892	423,348,932,153

Các chỉ tiêu ngoài bảng kế toán

CHỈ TIÊU	ĐVT	Số Kỳ Nay	Số Đầu Năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại	USD		
USD		10.776.94	26.854.83
EUR		400.34	403.03
JPY		38,843.00	39,106.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

2. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết Minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	263,820,984,456	366,117,573,494
2. Các khoản giảm trừ { 03=04+05+06+07 }	02	VI.1	153,311,232	1,042,755,345
+ Chiết khấu thương mại	05			
+ Hàng bán trả lại	06	VI.1		
+ Giảm giá hàng bán	07			
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ { 10=01-02 }	10	VI.1	263,667,673,224	365,074,818,149
4. Giá vốn hàng bán	11		197,600,543,518	282,150,862,859
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66,067,129,706	82,923,955,290
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,557,959,140	3,774,930,853
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29,091,688,076	38,465,238,250
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		27,627,606,505	30,887,351,972
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	22,673,757,089	25,647,410,625
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	12,341,135,771	15,430,285,655
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh { 30=20+(21-22)-(24+25) }	30		3,518,507,910	7,155,951,613
11. Thu nhập khác	31	VI.7	526,585,382	819,990,550
12. Chi phí khác	32	VI.8	2,509,847,636	2,056,037,410
13. Lợi nhuận khác { 40=31-32 }	40		(1,983,262,254)	(1,236,037,410)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế { 50=30+40 }	50		1,535,245,656	5,919,904,753
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.35	658,445,928	5,919,904,753
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9		
17. Lợi nhuận sau thuế { 60=(50-51-52)+(53-54) }	60		876,799,728	5,657,207,586
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80			1,131

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2012 (phương pháp gián tiếp):

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp DV và doanh thu	270,237,499,209	398,810,115,269
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa & DV	(303,740,224,529)	(638,493,189,037)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(65,905,438,832)	(41,869,730,887)
4. Tiền chi trả lãi vay	(27,512,006,449)	(30,886,548,555)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	938,449,227,654	837,900,032,672
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(795,934,001,429)	(553,452,773,262)

	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	15,595,055,622	(27,992,093,800)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản khác	(261,140,044)	(455,398,985)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	273,274,722	597,893,881
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3,020,000,000)	(3,000,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.000.000.000	11,270,000,000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	453,455,135	799,583,111
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	445,589,813	9,212,078,007
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	764.754.596.834	1.129.014.978.678
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	(793,393,201,304)	(1,111,197,451,257)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(28,638,604,470)	17,817,527,421
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(12,597,959,035)	(962,488,372)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	18,627,172,484
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	5,294,547	372,970,161
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	6,024,507,996

4. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2012:

V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

1. Kiểm toán độc lập:

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán phía Nam (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3 8 205 944

Fax: 08.3 8 205 942

- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam (AASCS) sau khi tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thủy Sản Bạc Liêu cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được thực hiện theo các quy định của chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam có ý kiến như sau:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy sản Bạc Liêu tại 31 tháng 12 năm 2012, kết quả kinh doanh, cũng như luồng tiền lưu chuyển cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã ký

2. Kiểm toán nội bộ: không có

VI. CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty đầu tư vốn vào Công ty TNHH Khang Phú

Địa chỉ: 34, Nguyễn Du, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng.

Tỷ lệ nắm giữ: 100% vốn điều lệ

VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

- Công ty được tổ chức hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và 02 chi nhánh, 01 phân xưởng, 01 công ty con.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC

